



2023擂台賽(二) - 男女混合單打賽  
混合單打 - 賽程表(第一階段)  
地點：香港體育學院



第一階段 1/2

1	華傲雪	華傲雪	XSP-Q-1
x	-		
3	賀方正	XSP-20 / 4-Nov / 15:00 / T0	
4	邱鈞霆		
5	方啓光	XSP-21 / 4-Nov / 15:00 / T0	XSP-Q-2
6	蘇學龍		
x	-	陳奕臻	
8	陳奕臻		
9	麥淞璋	麥淞璋	XSP-Q-3
x	-		
11	金恆樂	XSP-22 / 4-Nov / 15:00 / T0	
12	李朗軒		
13	徐鎮威	XSP-23 / 4-Nov / 15:30 / T0	XSP-Q-4
14	梁詠賢		
x	-	甘家安	
16	甘家安		
17	吳哲鋒	吳哲鋒	XSP-Q-5
x	-		
19	郭世榮	XSP-24 / 4-Nov / 15:30 / T0	
20	陳明禮		
21	陳韋曦	XSP-25 / 4-Nov / 15:30 / T0	XSP-Q-6
22	黃祉睿		
23	汪世恆	XSP-26 / 4-Nov / 15:30 / T0	XSP-Q-7
24	蔡楠		
25	池承澤	池承澤	
x	-		
27	朱曉宇	XSP-27 / 4-Nov / 16:00 / T0	XSP-Q-8
28	麥凱峰		
29	何健聰	XSP-28 / 4-Nov / 16:00 / T0	
30	楊通		
x	-	張軒爾	
32	張軒爾		



2023擂台賽(二) - 男女混合單打賽  
混合單打 - 賽程表(第一階段)  
地點：香港體育學院



第一階段 2/2

33	梁鎮源	梁鎮源	XSP-Q-9
x	-		
		XSP-28 / 4-Nov / 17:30 / T0	
35	龐雅文		XSP-Q-10
	XSP-10 / 4-Nov / 16:00 / T0		
36	陳敬延		
37	莫浩雲		XSP-Q-11
	XSP-11 / 4-Nov / 16:00 / T0		
38	朱栢聰		XSP-Q-12
		XSP-29 / 4-Nov / 17:30 / T0	
x	-		
		梁哲維	
40	梁哲維		
41	蘇恩潼		XSP-Q-13
	XSP-12 / 4-Nov / 16:00 / T0		
42	許映彤		XSP-Q-14
		XSP-30 / 4-Nov / 17:30 / T0	
43	嚴文焯		XSP-Q-15
	XSP-13 / 4-Nov / 16:30 / T0		
44	梁嘉晉		
45	譚朗聰		XSP-Q-16
	XSP-14 / 4-Nov / 16:30 / T0		
46	黎騏豪		XSP-Q-17
		XSP-31 / 4-Nov / 17:30 / T0	
x	-		
		鄺啟軒	
48	鄺啟軒		
49	蘇倬民	蘇倬民	XSP-Q-18
x	-		
		XSP-32 / 4-Nov / 18:00 / T0	
51	李天朗		XSP-Q-19
	XSP-15 / 4-Nov / 16:30 / T0		
52	吳兆聰		
53	姚日謙		XSP-Q-20
	XSP-16 / 4-Nov / 16:30 / T0		
54	洪啟智		XSP-Q-21
		XSP-33 / 4-Nov / 18:00 / T0	
55	王昀希		XSP-Q-22
	XSP-17 / 4-Nov / 17:00 / T0		
56	楊以琳		
57	柳嘉靜	柳嘉靜	XSP-Q-23
x	-		
		XSP-34 / 4-Nov / 18:00 / T0	
59	賴卓然		XSP-Q-24
	XSP-18 / 4-Nov / 17:00 / T0		
60	劉綺晨		
61	阮浩軒		XSP-Q-25
	XSP-19 / 4-Nov / 17:00 / T0		
62	張嘉鈺		XSP-Q-26
		XSP-35 / 4-Nov / 18:00 / T0	
x	-		
		胡朗庭	
64	胡朗庭		